TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TĨNH GIA** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2019/DS-ST
Ngày: 28/11/2019
V/v: Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TĨNH GIA, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quang Học

2. Ông Nguyễn Duy Biên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Cao Cường - Thư ký Tòa án nhân dân, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa: Không tham gia phiên toà.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2019 về việc: "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hồ Thị T - Sinh năm: 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hoá

2. Bị đơn: Bà Phan Thị H - Sinh năm: 1957 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hoá

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 6 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Hồ Thị T trình bày:

Ngày 15/7/2015 (âm lịch), bà Phan Thị H đã vay của chị số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), hai bên có thỏa thuận khi nào chị cần tiền thì báo trước cho bà H 01 tháng để bà ấy thu xếp trả nợ. Bà H đã ký nhận số tiền đã vay vào sổ của chị vào ngày 15/7/2015 (âm lịch).

Đến nay, bà H đã trả cho chị số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), bà H còn nợ lại chị số tiền là 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng). Do cần tiền để sử dụng, chị đã nhiều lần gặp bà H để yêu cầu bà H trả nợ nhưng bà H khất lần và không trả nợ số tiền còn lại.

Trong biên bản làm việc ngày 20/02/2018 tại Công an huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, bà H đã thừa nhận tính đến ngày 09/02/2018 bà H còn nợ chị số tiền 90.000.000 đồng, bà H cam kết sẽ trả hết số nợ trên cho chị trước ngày 15/7/2018, nhưng cho đến nay bà H vẫn không trả được nợ.

Vì vậy, chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phan Thị H trả nợ cho chị số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng). Ngoài số tiền nợ gốc nêu trên, chị không yêu cầu bà H phải trả số tiền lãi.

Tại bản tự khai ngày 29/8/2019 bị đơn là bà Phan Thị H trình bày:

Năm 2015, bà có vay tiền của chị Hồ Thị T. Bà thừa nhận cho đến nay, bà còn nợ chị T số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng). Số tiền này, bà đã cho người khác vay lại và họ chưa trả nợ cho bà nên bà chưa thanh toán được cho chị T. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc những người đã vay tiền của bà trả nợ cho bà thì bà mới có tiền để trả nợ cho chị T được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà Phan Thị H trả số tiền nợ gốc 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng), không yêu cầu trả lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Hồ Thị T khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị H trả nợ số tiền đã vay nên đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn bà Phan Thị H có nơi cư trú tại thôn L, xã H, huyện T, tỉnh Thanh Hoá nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn Phan Thị H vắng mặt, nhưng đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 3, nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà H.

[2] Về nội dung và hiệu lực hợp đồng vay tài sản (giấy vay tiền): Xét thấy hợp đồng vay tài sản (giấy vay tiền) đề ngày 15/7/2015 (âm lịch) do nguyên đơn và bị đơn tự nguyện xác lập, nội dung và hình thức phù hợp với các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên có hiệu lực đối với các bên. Hợp đồng vay tài sản được xác lập trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, đang được thực hiện, có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, nay chị T khởi kiện yêu cầu bà H thực hiện nghĩa vụ trả nợ, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015, áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

[3.1] Về yêu cầu đòi nợ gốc: Các bên đương sự đều thống nhất công nhận số tiền bị đơn còn nợ nguyên đơn là 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng), đây là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định bị đơn có nợ nguyên đơn 90.000.000 đồng là sự thật. Do đó yêu cầu của nguyên đơn đòi bị đơn phải trả 90.000.000 đồng là có cơ sở, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3.2] Về số tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về yêu cầu của bị đơn: Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc những người đã vay tiền của bà trả nợ cho bà thì bà mới có tiền để trả nợ cho chị T. Xét thấy, đây không phải ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu của nguyên đơn, cũng không phải là yêu cầu phản tố của bị đơn đối với nguyên đơn nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà H có quyền khởi kiện tại Tòa án yêu cầu những người đã vay tiền của bà trả nợ cho bà bằng một vụ án dân sự khác nếu đủ điều kiện.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên đến ngày xét xử vụ án, bà H là người cao tuổi (từ đủ 60 tuổi trở lên) nên bà được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Chị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468, điểm b khoản 1 Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Phan Thị H phải trả cho chị Hồ Thị T số tiền 90.000.000 đồng (chín mươi triệu đồng).

2. Kể từ ngày chị T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy đinh khác.

3. Về án phí:

- Chị Hồ Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị T 1.125.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số

AA/2017/0004034 ngày 26 tháng 8 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

- Bà Phan Thị H được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt chị T, vắng mặt bà H. Chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Tĩnh Gia;
- Chi cục THADS huyện Tĩnh Gia;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Bắc